

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ ĐỘ ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO (1930 - 1945)





Ảnh: Minh Anh

Tháng 8 năm 1931, Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ ra đời, quyết định ra nguyệt san Từ Bi Âm làm cơ quan hoàng dương Phật pháp. Lúc bấy giờ do mới thành lập nên nhân sự làm báo của Hội rất thiếu, lại cần phải ra báo sớm để vận động chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ. Vì thế, tháng 9 năm 1931, cư sĩ Trần Nguyên Chấn, Phó Hội trưởng Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ thay mặt Hội viết thư mời Hòa thượng Bích Liên - Trí Hải vào Sài Gòn làm chủ bút tạp chí Từ Bi Âm. Để tạo đà ban đầu cho tạp chí, theo đề nghị của Hòa thượng Bích Liên, Phó Hội trưởng Lê Khánh Hòa, Chủ nhiệm Từ Bi Âm viết thư mời Hòa thượng Huyền Ý - Liên Tôn làm Phó Chủ bút và cư sĩ Trí Độ vào làm trợ bút cho tạp chí Từ Bi Âm. Bộ ba tài năng quê Bình Định này đã giúp cho Từ bi âm đứng vững và phát triển những năm đầu còn trứng nước.

Thầy giáo trẻ Lê Kim Ba bấy giờ đã tham gia giảng dạy Phật pháp tại chùa Thập Tháp, tỉnh Bình Định được mấy năm. Thầy rất phấn khởi khi được vào Sài Gòn - trung tâm Phật giáo Nam

Kỳ lúc bấy giờ, làm việc với người bạn vong niên của mình là sư Huyền Ý - Liên Tôn dưới quyền bốn sư của mình là Hòa thượng Bích Liên - Trí Hải, một danh tăng được giới Phật giáo Nam Kỳ ngưỡng mộ.

1. Về hồng dương Phật pháp

Ngày 31 tháng 4 năm 1931, Thống đốc Nam Kỳ Kreutheimer cho phép xuất bản tờ Từ Bi Âm. Nhưng tới ngày 1 tháng 1 năm 1932, bán nguyệt san Từ Bi Âm của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học mới ra số đầu tiên. Chủ nhân sáng lập là cư sĩ Phạm Ngọc Vinh - Thư ký tại ngân hàng Đông Pháp Sài Gòn (con rể Phó Hội trưởng Trần Nguyên Chấn). Chủ nhiệm là Hòa thượng Lê Khánh Hòa, Phó Hội trưởng Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. Chủ bút là Hòa thượng Bích Liên, Phó chủ bút là Tỷ khiêu Liên Tôn, Thủ quỹ là Phạm Văn Nhơn. Tòa soạn đặt tại chùa Linh Sơn, số 149 đường Douaumont, Sài Gòn (nay là đường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh). Báo in tại nhà in Nguyễn Văn Cửa, số 57 Rue Luclan Mossard, Sài Gòn.

Nội dung Từ Bi Âm có 7 mục:

- 1- Luận về triết lý nhà Phật: đăng những bài luận, giải nghĩa về sự mâu nhiệm của Phật giáo và luận giải những bài thuyết pháp của Phật.
- 2- Luân lý nhà Phật: nói về những lời răn dạy, những luận giải cùng cách sửa trị tu tâm của Phật để cho ai nấy biết được những việc lành mà theo, việc dữ mà tránh.
- 3- Phiên dịch kinh Phật: những Kinh, Luật, Luận của nhà Phật bằng chữ Hán sẽ dịch ra quốc văn và sưu tầm chữ Phạn (Sankrit) xen vào những chỗ đáng dùng để dễ hiểu.
- 4- Lịch sử nhà Phật.
- 5- Thời sự nhà Phật: nói về thời sự, như trường Hương, trường Kỳ và nhất là khen ngợi những người thành tâm tín ngưỡng đúng với chân lý, đăng làm gương, cũng là tỏ bày những chuyện dị đoan mê tín, những việc quấy quá, cần xiên đăng chừa bỏ.
- 6- Tiểu thuyết nhà Phật: nói về những tích chuyện có âm công, âm đức để người mộ đạo noi theo và những việc giả dối phạm luật đăng chừa lánh.
- 7- Văn uyển: gồm thi, ca, từ, phú, nói về đạo đức, tu thân, khuyến thiện và việc tu hành nhà Phật.

Mừng Từ Bi Âm ra đời và Ông Phật Từ bi âm là hai bài thơ của ngài Trí Độ đăng trên Từ Bi Âm số 2 ra ngày 15- 2-1932 chúc mừng sự ra đời của tạp chí Từ Bi Âm. Tạp chí có nhiệm vụ hồng dương Phật pháp:

*Đèn kinh soi kẻ con đường lạc,
Chuông pháp kêu người giấc mộng say.*

Ông gọi tạp chí Từ Bi Âm là Ông Phật Từ bi âm.

Từ Bi Âm tổng luận đăng trên số 3 ra ngày 1-3- 1932 là bài luận giải thích nghĩa Từ bi âm. Sau khi phân tích thể tính của Từ bi, danh từ của Từ bi, Từ bi có khác nhau, Từ bi có ẩn hiện, Phật diễn ra pháp Từ bi, Từ bi âm có ích lợi, ngài Trí Độ kết luận: “Tiếng Từ bi có sức mạnh rất thần, chuyển đặng kẻ ác bạo làm người hiền lành, khiến đặng kẻ ngu muội thành người Tiên Thánh”. Nên Tiếng Từ bi có ích lợi lắm, vì vậy mới chép lấy làm tạp chí để hiệu là “Từ bi âm”¹.



A. Ngài Trí Độ đã biên dịch ra quốc văn và có giải thích sự tích:

1. Kinh A Di Đà đăng trên số 2 ra ngày 1-2-1932 đến số 10 ra ngày 15-5-1932;
2. Kinh Vu Lan Bồn từ số 11 ra ngày 1-6-1932 đến số 14 ra ngày 15-7-1932.
3. Kinh Phổ Môn đăng trên số 16 ra ngày 15-8- 1932 đến số 26 ra ngày 15-1-1933.
4. Kinh Kim Cương từ số 27 ra ngày 1-2-1933 đến số 48 ra ngày 15-12-1933.

B. Về lịch sử các vị Bồ tát

1. Sự tích đức Quan Âm Bồ tát số 20 ra ngày 15-10-1932.
2. Sự tích đức Đại Thế Chí Bồ tát, số 21 ra ngày 1-11-1932.
3. Sự tích đức Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, số 22 ra ngày 15-11-1932.
4. Sự tích đức Địa Tạng Bồ tát, số 24 ra ngày 1-12-1932.

C. Về Luận

1. Luận về Sóng thức (tức Duy thức) từ số 8 ra ngày 15-4-1932 đến số 11 ra ngày 1-6-1932.
2. Phép lạ hồng danh sám hối số 15 ra ngày 1-8-1932. (về giáo lý)
3. Lời thích nghi ba câu hỏi của ông Hà Văn Ngọc số 22 và 23 ra 1-11 và 15-11- 1932.
4. Vui và khổ số 91 ra tháng 11 năm 1941.
5. Sau khi chết còn hay mất, số 197 ra tháng 5-1942.
6. Có đời sau hay không (bài lược thuật kinh Trường A Hàm), số 197 ra tháng 5 năm 1942.
7. Xuân và trường xuân, số 205 ra tháng 1 năm 1943.
8. Nghiệp sai biệt của chúng sinh, số 205 ra tháng 1 năm 1943.
9. Xuân tâm, số 217 ra tháng 1 năm 1944.

Ngoài ra trên tạp chí Viên âm, ngài Trí Độ có hai bài viết:

1. Tâm kinh tổng luận, số 6 ra ngày 1 tháng 5 năm 1932.
2. Giá trị thiết thực của nhân sinh, số 39 ra tháng 8 năm 1940.

Tâm kinh tổng luận là bài tổng luận của ngài Trí Độ sau khi đã giải thích từng chữ “Bát nhã ba la mật đa tâm kinh. Ngài cho rằng kinh này nói về trí tuệ của chân tâm, tu theo trí tuệ thì thoát khỏi dòng mê, bước lên bờ giác, trừ duyên phiền não, được quả Bồ đề, vượt vòng sinh tử, chứng đạo Niết bàn, xa lìa bá tánh phàm phu, chứng đặng bậc thánh trí.

Trong chân không bát nhã không còn món gì là thiết có, không còn nhân ngã, không còn pháp ngã, nên không thể lấy văn tự, lấy lời nói mà chỉ ra được. Muốn rõ chân không bát nhã, phải tiêu dung cả 12 bộ kinh điển về nơi Tâm, tiêu dung cả mọi sự vật về nơi Tâm, rõ được Tâm thể tức là rõ chân không bát nhã.

Vậy mới biết kinh là Tâm, tâm là kinh, ngoài Tâm không có kinh, ngoài kinh không có Tâm, cho đến chữ nào chữ nấy cũng đều là Tâm cả².

PGS Nguyễn Duy Hinh (1930 - 2008) đã tỏ lời thán phục bài Tâm kinh tổng luận của ngài Trí Độ: “Kinh Bát nhã ba la mật đa tâm kinh chỉ có 268 chữ Hán đã quá hàm súc, nay ngài Trí Độ chỉ giải bằng một chữ TÂM thì quá độc đáo”³.

Bản dịch kinh Bát nhã ba la mật đa tâm kinh trong Tâm kinh tổng luận được ngài Trí Độ làm tài liệu giảng dạy tại Phật học đường Báo Quốc, Huế.

Với những bài viết trên, Hòa thượng Thích Trí Độ đã góp phần tích cực vào công cuộc hoằng dương Phật pháp, truyền bá giáo lý của đức Phật Thích Ca tới tăng ni, phật tử.

2. Về phương diện Phật học

Sự có mặt của các bài luận, bài giới thiệu sự tích các vị Bồ tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... và những bản dịch kinh Phật bằng chữ quốc ngữ của ngài Trí Độ đăng trên các tạp chí Từ Bi Âm, Viên âm như A Di Đà, Vu Lan Bồn, Phổ Môn, Kim Cương đã làm cho sự học Phật trở nên dễ dàng đối với tầng ni phật tử.

Trước kia, khi chữ Hán còn là học thừa của Phật học, chỉ có những người thông hiểu Hán học mới có thể được kinh sách Phật giáo. Tuy vậy, không phải ai biết chữ Hán cũng đều đọc được sách Phật học, bởi vì ngôn ngữ Phật học khác với ngôn ngữ Hán học. Mặt khác kinh điển thời xưa lại hiếm, muốn đọc kinh phải lên chùa mượn và số lượng kinh của các chùa cũng rất ít, mỗi thứ chỉ có một bản. Bây giờ, các kinh điển bằng chữ quốc ngữ được đăng trên các tạp chí Phật học được gửi theo đường bưu điện tới tận nhà. Các phật tử có tuổi không biết đọc quốc ngữ cũng có thể nhờ con cháu mình đọc lên cho mà nghe; mà đây là báo quốc âm cho nên nghe tới đâu là các cụ hiểu tới đó.

Nhờ trình độ Hán học và Phật học vững chãi, lại từng làm giảng sư nên những bản dịch kinh có diễn giải sự tích của ngài Trí Độ dễ hiểu và hấp dẫn độc giả. Ví dụ trong Từ Bi Âm số 2 ra ngày 15 tháng 2 năm 1932, trong bản dịch Phật thuyết A Di Đà kinh, phần chữ Hán dài 1 trang, ngài Trí Độ diễn nghĩa là Phật Thích Ca nói kinh A Di Đà dài tới 4 trang. Trong đó phần giải nghĩa và sự tích rất rõ ràng và tỉ mỉ, như Kỳ Đà, Cấp Cô Độc, Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp... là ai, Tinh xá, Tỳ khưu, A La Hán, Thiên Nhân là gì. Hoặc Phật thuyết Vu Lan Bồn kinh đăng trên số 11 ra ngày 1 tháng 6 năm 1932, phần chữ Hán dài 1 trang, ngài Trí Độ diễn nghĩa là Phật Thích Ca nói kinh Vu Lan Bồn dài tới 4 trang rưỡi. Trong đó ngài giải nghĩa một cách tường tận Vu Lan Bồn, Sáu phép thần thông, Đường Ngạ quỷ là gì; giải thích các sự tích Tay trái che miệng bát, tay phải bốc đồ ăn hay Đồ ăn chưa để vào miệng đã hóa ra lửa khiến người đọc dễ hiểu. Với các kinh Phổ Môn, Kim Cương ngài cũng giải nghĩa và giải thích sự tích như vậy.

Bản dịch kinh Bát Nhã ba la mật đa tâm kinh của ngài được Hòa thượng Tố Liên đưa vào dịch phẩm “Sự lý lẽ tụng với lời tán thán: “Bản dịch kinh Bát Nhã trong cuốn sách này, cả về các bài dịch và giảng đều của Sư cụ Trí Độ là Giám đốc Phật học đường Hội Phật học Trung Việt, vì tôi thấy bản dịch, giảng của Ngài giản dị mà dễ hiểu nên tôi mới đưa vào đây”⁴.

Các bài giới thiệu sự tích đức Quán Thế Âm Bồ tát, đức Đại thế Chí Bồ tát, đức Văn Thù Sư Lợi v.v... của ngài Trí Độ vừa khái quát, ngắn gọn mà lại đầy đủ và dễ hiểu.

Ngài Trí Độ có lẽ là một trong ít người đầu tiên viết những bài luận về Duy Thức (mà lúc đó ngài gọi là sóng thức) bằng quốc ngữ đăng liên tục trên Từ Bi Âm từ số 8 ra tháng 4 đến số 11 ra tháng 6 năm 1932. Bài viết của ngài ngắn gọn, lời lẽ đơn giản và dễ hiểu trước một chuyên luận khó. Vì thế mà năm 1946, ngài được Hội Phật giáo Việt Nam mời ra Hà Nội giảng về môn này tại trường Tăng học Quán Sứ.

Đây là một cống hiến của ngài về phương diện Phật học trên tạp chí Từ Bi Âm.



3. Về giáo dục đào tạo tăng tài

Có thể nói công cuộc chấn hưng Phật giáo từ năm 1930 - 1945 đã tạo nên diện mạo mới cho hệ thống giáo dục Phật giáo, và chính hệ thống này đã đào tạo nhiều tăng tài, nhiều bậc cư sĩ đức trọng tài cao góp phần vào sự phát triển của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX. Diện mạo mới đó là các trường Phật học tập trung, có thi tuyển, có chương trình đào tạo đối với từng cấp (hệ thống dọc) của các Hội Phật học xuất hiện bên cạnh các trường Gia giáo, trường Hạ (hệ thống ngang) của các Sơn môn, Pháp phái.

An Nam Phật học Hội đã đi tiên phong trong công tác đào tạo tăng tài, và đã gặt hái những kết quả khả quan trên lĩnh vực này.

Năm 1934, ngài Trí Độ trở về Bình Định tham gia giảng dạy Phật pháp tại tổ đình Thập Tháp, rồi cùng Thượng tọa Thích Mật Khế thực hiện các Phật sự do Hội An Nam Phật học phân công tại tỉnh Quảng Ngãi. Và sau đó không lâu, năm 1935 ông được Hòa thượng Giác Tiên mời ra Huế tham gia giảng dạy tại An Nam Phật Học Đường cùng với ngài Thích Mật Khế. Vốn được huấn luyện về sư phạm và là giảng sư Phật pháp tại Bình Định, ông đã đưa vào trường An Nam Phật học lối giảng dạy có phương pháp rất được các học tăng ưa thích.

Chương trình Phật học đầu tiên của trường An Nam Phật học tại chùa Trúc Lâm được hoạch định làm hai cấp Tiểu học và Đại học như sau:

Tiểu học (5 năm)

Tốt nghiệp Tiểu học: Học tăng được thụ Sa Di giới.

Đại học (5 năm)

Tốt nghiệp Đại học thì học tăng được thụ Tỷ khiêu giới.

Sau khi tốt nghiệp, học tăng có thể ở lại trường ghi tên vào lớp tham cứu, cũng 5 năm:

Chương trình nói trên được hoạch định vào năm 1934. Nhược điểm của chương trình này là dài quá và nhất là hai năm đầu Tiểu học không cần thiết. Kiến thức của hai năm này thực ra có thể được các chùa địa phương cung cấp trước khi học tăng được gửi về Phật học đường và như vậy, gánh nặng tài chính của trường sẽ được giảm bớt một phần. Chương trình lại còn những điểm không hợp lý, ví dụ năm thứ nhất Cao đẳng đã gồm có Lăng Nghiêm Trực Chỉ, Viên Giác Lược Sớ, Duy Ma Kinh Sớ mà còn thêm ba bộ luận lớn của Không Tông (Tam Luận). Không ai có thể dạy và học tất cả những tác phẩm đó trong một năm.⁵

Nhận xét về Phật học đường Báo Quốc và giảng sư Trí Độ, Vân Thanh viết: “Trường Tây Thiên chỉ dạy Kinh Luận theo lối xưa (từ Hán văn đọc cắt nghĩa sang tiếng Việt. Bên trường Báo Quốc của Hội An Nam Phật học dạy nhiều môn theo hiện đại, ngoài Kinh, Luận còn dạy những môn khác như Hán, quốc ngữ, diễn giảng v.v...”

Ngài Trí Độ Đốc giáo nguyên là vị giáo sư trường tỉnh (năm 28 tuổi đỗ bằng tốt nghiệp giáo sư, 34 tuổi lại đậu bằng trợ giáo, về giáo lý nhà Phật trước đó ngài thụ giáo với Hòa thượng Bích Liên. Năm 37 tuổi lại cầu pháp với ngài Phước Huệ tại chùa Thập Tháp. Vì thế ngài Trí Độ học và dạy đủ phương pháp sư phạm và giáo lý có căn bản lắm”.⁶

Ngài Trí Không soạn giả cuốn Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi, trong bài Thiện Hoa Đại sư (1918- 1973) mẫu mực tu học, hoằng hóa bền bỉ, bất thối chuyển viết:

“Tại trường Báo Quốc, cụ Lê Đình Thám lo việc bên Hội Phật học, mỗi tuần thứ Bảy Ngài dạy học tăng bên Báo Quốc, ấy là dạy tập diễn giảng. Ngài dạy hết sức tận tình, sửa từng lỗi chính tả trong các bài nộp cho Ngài duyệt qua trước. Ngài Pháp sư Trí Độ, vốn tốt nghiệp trường Sư phạm nhà nước, làm việc đồng thời học Phật pháp với cụ Thập Tháp (tức Quốc sư Phước Huệ), sau xuất gia làm giáo sư trường Báo Quốc, do đó lối dạy của Ngài thật nghiêm khắc theo đường lối sư phạm, chế độ roi mây sẵn sàng ứng chiến, nên một số học tăng tuổi trẻ có hơi lơ đãng là bị roi mây khống chế hẳn hoi, coi như họ được huấn luyện nghiêm khắc, không lười thôi được.

Với kinh nghiệm gần 10 năm giảng dạy và làm Đốc giáo tại Phật Học Đường Báo Quốc, ngài Trí Độ đã cùng Ban Giảng sư của An Nam Phật học Hội biên soạn hoạch định một chương trình mới thực hiện từ năm 1944, trong đó: Sơ đẳng học trong hai năm; Trung đẳng học hai năm; Cao đẳng học trong hai năm với các môn thiết thực hơn.



Ảnh: St

Theo chương trình này, những học tăng tốt nghiệp Cao đẳng, nếu muốn thành giáo thụ các trường Phật học thì phải ở lại nghiên cứu và tu tập thêm ba năm nữa tại trường.⁷

Chương trình này thực tế hơn chương trình trước nhiều và cũng hàm chứa một số các tác phẩm mới những sách giảng lục của Thái Hư và Đại Viên. Muốn vào học, học tăng phải trải qua một kỳ khảo thí. Trình độ căn bản là:

- 1- Đâu Sơ học Pháp - Việt.
- 2- Biết đọc và biết viết chữ Hán.
- 3- Quốc ngữ phải thông thạo. Có thể dịch một bài Kinh Luận từ chữ Hán ra quốc ngữ và một vài câu quốc văn ra chữ Hán.

Có thể nói, gần 10 năm gắn bó với Phật học đường Báo Quốc, Hòa thượng Trí Độ đã có công đào tạo cho xứ Huế nhiều tăng tài lỗi lạc mà từ năm 1950 trở về sau, những tăng sĩ này đủ sức làm cho Phật giáo xứ Huế long thịnh và vượt qua nhiều cơn sóng gió như các Thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Trí Thuýên, Thích Thiệן Hoa, Thích Thiệן Hòa, Thích Trí Tịnh v.v...

Năm 1944, Hòa thượng cùng với bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đã dày công trong việc chuyển trường lên Lựu Bảo để thành lập Đại tùng lâm Kim Sơn. Nhưng không may, gặp thời khó khăn về kinh tế, Hội An Nam Phật học cũng như Sơn môn Huế không đủ sức nuôi nổi học tăng. Tăng sinh cũng không đủ sức đóng tiền ăn. Tùng lâm Kim Sơn bị đóng cửa, và một số học tăng cấp trung học và sơ học phải khăn gói vào Nam để tìm nơi ăn học.⁸

Đánh giá công lao của Hòa thượng Thích Trí Độ đối với sự nghiệp đào tạo tăng tài cho chấn hưng Phật giáo nước nhà, trong lễ kỷ niệm “50 năm (1920-1970) phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tổ chức tại Sài Gòn, Thượng tọa

Thích Thiện Hoa, Viện trưởng Viện Hóa đạo nhấn mạnh:

“Những nhân vật hữu công với Phật giáo miền Trung: Bên cư sĩ có: cụ Lê Đình Thám pháp danh Tâm Minh (một cư sĩ có công nhất với Phật giáo miền Trung), cụ Trí Độ (một vị có công nhất với Phật Học đường Báo Quốc)...”⁹

Đầu năm 1946, Hội Việt Nam Phật giáo (Hội Phật giáo Bắc Kỳ đổi tên từ sau Đại hội đồng thường niên ngày 19 tháng 5 năm 1945) thỉnh Pháp sư Thích Trí Độ và Thượng tọa Thích Trí Quang ra giảng dạy tại lớp Phật pháp cho các tăng sinh tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Ngài Trí Độ dạy môn Duy thức, còn ngài Trí Quang dạy Kinh Lăng Nghiêm.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, chiến sự bùng nổ ở Hà Nội, trường tăng học Quán Sứ phải tản cư về chùa Phúc Chính, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc xã Nam Tiến, thành phố Ninh Bình).

Từ đây, ngài Trí Quang về Quảng Bình và tham gia Phật giáo cứu quốc tỉnh. Còn ngài Trí Độ về chùa Đào Viên ở Thanh Hóa, rồi hoạt động trong Hội Phật giáo cứu quốc ở vùng tự do xứ Thanh.

Tác giả: **Thích Nữ Đàm Trà**
Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 1/2017

Chú thích:

1 Từ bi âm số 2, tr.4-11. 2 Nguyễn Duy Hình, *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb Bách khoa và Nxb Tôn giáo, 2009, tr.544.

3 Sách đã dẫn, tr.547.

4 Sa môn Tố Liên, *Sự lý lễ tụng*, Nxb Tôn giáo, 2016, tr.8.

5 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học, 1994, tr.101-103.

6 Vân Thanh, *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam, Phật học viện và các chùa Sài Gòn xuất bản*, 1974.

7 Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học, 1994, tr.104-105.

8 Trí Không, *Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ 1950 trở đi*, chùa Xá Lợi ấn hành, 2009.

9 Thích Thiện Hoa, *50 năm (1920 - 1970) chấn hưng Phật giáo Việt Nam hay là Ghi ơn tiền bối*, Viện Hóa đạo, Sài Gòn, 1970.